

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2021/HNGĐ-ST

Ngày 13-4-2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Chí Công

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hương

2. Ông Nguyễn Trường Hận

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1987 (xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Thanh S, sinh năm 1979 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm 9, thị trấn, huyện T, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2021 và đơn xin vắng mặt ngày 07/4/2021, nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc G trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Thanh S chung sống với nhau từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (theo giấy chứng nhận kết hôn số 39 ngày 29/4/2016). Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống rất hạnh phúc, thời gian về sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị và anh S đã ly thân gần 03 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh S.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh S có 01 người con chung tên Lê Trọng N, sinh ngày 10/02/2017. Hiện nay con đang sống với anh S. Khi ly hôn chị yêu cầu giao cháu N cho anh S được trực tiếp nuôi. Không đặc ra việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại đơn xin vắng mặt ngày 03/4/2021, bị đơn anh Lê Thanh S trình bày:* Anh thống nhất như trình bày của chị G cụ thể: Về hôn nhân: Anh và chị G sống chung

với nhau từ năm 2016, có đăng ký kết hôn theo quy định, do điều kiện đi làm ăn nên anh không có thời gian đến Tòa án. Anh đồng ý ly hôn với chị G do hiện nay anh và chị G không thể hàn gắn lại được. Về con chung: Anh và chị G có 01 người con chung tên Lê Trọng N, sinh ngày 10/02/2017 đúng như chị G trình bày anh đồng ý trực tiếp nuôi cháu N, do từ trước đến nay cháu N sống với anh. Anh không đặc ra việc cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ: Anh thống nhất như trình bày của chị G, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Lê Thanh S có nơi cư trú tại khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Ngọc G khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Thanh S, tranh chấp về nuôi con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị G là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị G là nguyên đơn, anh S là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị G và anh S có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Chị Nguyễn Ngọc G và anh Lê Thanh S không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị G và anh S đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh S đã ly thân hơn 03 năm nay. Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị G được ly hôn với anh S.

**[3] Về con chung:** Chị G và anh S có 01 người con chung tên Lê Trọng N, sinh ngày 10/02/2017. Khi ly hôn chị yêu cầu giao cháu N cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, con chung tên Lê Trọng N. Hiện nay đang sống chung với anh S. Từ khi chị và anh S sống ly thân đến nay cháu N sống cùng với anh S, gần gũi với anh S, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh S đồng ý nuôi dưỡng cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Tiếp tục giao cháu Lê Trọng N, sinh ngày 10/02/2017 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Chị G và anh S không đặc ra nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị G và anh S xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị G phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc G về việc ly hôn với anh Lê Thanh S.

-Về con chung: Tiếp tục giao cháu Lê Trọng N, sinh ngày 10/02/2017 cho anh Lê Thanh S được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Ngọc G không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc G phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; ngày 16/3/2021 chị G đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004751 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Cơ quan đã đăng ký việc kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Chí Công**

